

## **TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

Căn cứ điểm d, khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, quy định: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định "*Nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23, Nghị định này*" (Điều 21 hồ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Điều 22 hồ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Điều 23 hồ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ).

Để triển khai đồng bộ, thống nhất trong thực hiện hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thì việc xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành "*Nghị quyết quy định nội dung hồ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*" là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

### **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### 1. Mục đích:

Xây dựng, ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các quy định về hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia tại điểm d, khoản 1 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022; làm cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, bảo đảm có sự thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

### 2. Quan điểm xây dựng văn bản:

Nội dung Nghị quyết được xây dựng bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan; Bảo đảm tính khả thi, sát với tình hình thực tế tại địa phương và tuân thủ đúng trình tự, thẩm quyền.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 7544/UBND-KT ngày 26/12/2022 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến các Sở, ngành, địa phương và đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông (*Công văn số 200/SNN-PTNT ngày 06/02/2023*).

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đề nghị Sở Tư pháp thẩm định; Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 06/BCTĐ-STP ngày 07/03/2023. Căn cứ nội dung của Báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 15/3/2023 (*Thông báo số 285/TB-VPUBND ngày 16/3/2023*), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tổ chức buổi làm việc với các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính, Tư Pháp, Ban Dân tộc và lãnh đạo UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa để thống nhất nội dung và tiếp tục tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết. Tại cuộc họp Thành viên UBND tỉnh ngày 29/3/2023 đã thống nhất thông qua nội dung dự thảo Nghị quyết.

## IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT:

### 1. Bố cục: Gồm 6 điều

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Điều 4. Hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng

Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Điều 6. Tổ chức thực hiện

## **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:**

### **2.1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

### **2.2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

### **2.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

#### **2.3.1. Nội dung hỗ trợ**

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025:

Đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Đối với nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

### **2.3.2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Riêng dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT.

### **2.3.3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này.

Hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Nộp hồ sơ

Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và

dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Sở Y tế đối với dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ban Dân tộc đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sau khi nhận hồ sơ đề nghị dự án hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và bộ phận giúp việc cho Hội đồng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết:

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố; Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

## **2.4. Hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng**

### **2.4.1. Nội dung hỗ trợ**

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; điểm c, e, g khoản 3 Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

### **2.4.2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ**

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

b) Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

c) Đơn đề nghị dự án, phương án sản xuất cộng đồng (Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

### **2.4.3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng**

a) Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Thẩm định dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

d) Phê duyệt dự án

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất; Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

## **2.5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

### **2.5.1. Nội dung hỗ trợ**

Việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo điểm b (đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

**2.5.2. Mẫu hồ sơ:** Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

**2.5.3. Trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu**

a) Xây dựng, phê duyệt dự án: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐT BXH.

b) Quy trình, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

(Hồ sơ kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Bảng tổng hợp, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết (kèm theo văn bản góp ý của cơ quan, đơn vị).

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Các Sở: YT, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Lê Văn Chiến**

Số: /2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc*



*Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1486/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Bộ Y tế Quyết định ban hành sổ tay hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

## **Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

### **1. Nội dung hỗ trợ**

a) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025:

Đối với nội dung Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Đối với nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý: Thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

## 2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Thực hiện theo Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Riêng dự án Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thực hiện theo Mẫu B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 Phụ lục kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT.

## 3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

### a) Xây dựng dự án

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này.

Hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch liên kết đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

### b) Nộp hồ sơ

Đối với dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Sở Y tế đối với dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Ban Dân tộc đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố: Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sau khi nhận hồ sơ đề nghị dự án hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ đến các cơ quan cấp tỉnh chủ trì dự án thành phần thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

### c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và bộ phận giúp việc cho Hội đồng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

d) **Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết**

Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố; Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

**Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6, điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; điểm c, e, g khoản 3 Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất

a) Biên bản họp dân (Mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

b) Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

c) Đơn đề nghị dự án, phương án sản xuất cộng đồng (Mẫu số 03 Phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng

a) Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Nộp hồ sơ

Cộng đồng dân cư nộp hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Thẩm định dự án: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

d) Phê duyệt dự án

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất; Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

### **Điều 5. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

Việc thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

1. Nội dung hỗ trợ

a) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Thực hiện theo khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH;

Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo điểm b (đối với nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) khoản 1 Điều 3; điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

2. Mẫu hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Thực hiện theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu

a) Xây dựng, phê duyệt dự án: Thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH.

b) Quy trình, thủ tục lựa chọn đơn vị giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông khóa IV, Kỳ họp chuyên đề tháng ... năm 2023 thông qua ngày .... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng .... năm 2023./.

### ***Nơi nhận:***

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch - Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các: Ban HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, KTNS.

**CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Trung**

**Phụ lục**  
**MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Mẫu số 01	Biên bản họp dân
Mẫu số 02	Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Đơn đề nghị dự án, phương án sản xuất cộng đồng

## Mẫu số 01: Biên bản họp dân

UBND XÃ.....  
Thôn/ Bản/ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày .... tháng...năm.....

### BIÊN BẢN HỌP DÂN

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm ....., tại ..... tổ chức họp nhân dân để thảo luận lựa chọn nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia .....

#### I. Chủ trì cuộc họp:

- Chủ trì cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....
- Thư ký cuộc họp: Ông (bà).....Chức vụ:.....

#### II. Thành phần tham gia:

##### - Đại diện UBND xã:

Ông/ bà..... chức vụ.....  
Ông/ bà..... chức vụ.....

##### - Đại diện khác:

- Số hộ tham gia:.....hộ là các hộ sinh sống trên địa bàn.

#### III. Nội dung cuộc họp

1. Phổ biến dự án: Tên dự án, điều kiện, chính sách, nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án...

2. Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng; Thống nhất tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ, số tiền phải thu nộp và thời gian thu nộp.

##### 3. Đối tượng tham gia dự án

- Ý kiến bình xét đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án: (nêu cụ thể các ý kiến bình xét của các thành phần tham gia cuộc họp)

- Số đối tượng được lựa chọn tham gia dự án: ..... hộ, trong đó: ..... (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác, ...).

*Lưu ý: Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát*



nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo (theo quy định tại khoản 5, Điều 20, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

- Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/ nhóm cộng đồng) ..... tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông/bà..... Tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồm .....thành viên danh sách cụ thể như sau:

Stt	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ (xóm, xã)	Thuộc đối tượng ( hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Nội dung đề nghị hỗ trợ	Tổng kinh phí (triệu đồng)	Trong đó		Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
								Đề nghị nhà nước hỗ trợ	Đối ứng của hộ		

4. Nội dung cam kết của đối tượng tham gia dự án:.....

5. Nội dung khác (nếu có).

#### IV. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung nêu trên, cuộc họp thống nhất đề cộng đồng dân cư ..... xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đề nghị dự án/phương án sản xuất trình các cấp có thẩm quyền theo quy định.

Cuộc họp đã kết thúc vào .... giờ cùng ngày, đọc lại cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất nội dung biên bản./.

**Thư ký**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện tổ/nhóm cộng đồng**  
**Tổ trưởng/trưởng nhóm**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(ký, đóng dấu)

**Chủ trì**  
(Trưởng thôn/bản)  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 02: Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**  
**thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia.....**  
**Tên dự án, phương án: .....**

1. Đại diện cộng đồng dân cư: .....

Người đại diện .....

Chức vụ: .....

CMTND/CCCD..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

2. Mục tiêu dự án:

a) Mục tiêu chung:.....

b) Mục tiêu cụ thể: Dự kiến kết quả đạt được sau chu kỳ sản xuất (sản phẩm, thu nhập, nhận thức của đối tượng tham gia dự án...); các đối tượng tham gia dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo mục tiêu có ..... hộ thoát nghèo và .... hộ thoát cận nghèo (nếu có).

3. Đối tượng tham gia dự án: ..... hộ, trong đó: ..... (nêu cụ thể số lượng từng đối tượng, ví dụ: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ khác,...)

*(Có danh sách các đối tượng được lựa chọn tham gia dự án kèm theo).*

4. Thời gian triển khai: .....

5. Địa bàn triển khai dự án: .....

6. Nội dung hoạt động của dự án

6.1. Nội dung hoạt động hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, gồm:

.....

6.2. Nội dung hoạt động sử dụng từ các nguồn kinh phí khác

- Nội dung hoạt động sử dụng kinh phí đóng góp của cộng đồng:

.....

- Nội dung hoạt động sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp khác:

.....  
 7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án: ..... đồng, trong đó:

- Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là: ..... đồng

- Kinh phí đóng góp của cộng đồng: ..... đồng

- Huy động từ nguồn kinh phí hợp pháp khác: ... đồng

*(Dự toán chi tiết kèm theo)*

8. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng

a) Tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ: ..... %.

b) Thời gian thu, nộp: .....

c) Cách thức quản lý tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng: .....

9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả của dự án (về kinh tế, xã hội, môi trường):  
 .....

10. Trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp: (nêu rõ trách nhiệm của các bên có liên quan).....

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết: .....

12. Tổ chức thực hiện dự án: .....

13. Các nội dung liên quan khác .....

Kính đề nghị ..... xem xét, phê duyệt dự án ..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia .....

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 03: Đơn đề nghị dự án, phương án sản xuất cộng đồng**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình  
mục tiêu quốc gia .....**

Kính gửi: .....

Tổ, nhóm cộng đồng: .....

Người đại diện: .....

Chức vụ:.....

CMND/CCCD số:.....ngày cấp .....nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email:.....

Đề nghị ..... (cơ quan có thẩm quyền) thẩm định và phê duyệt dự án, cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:.....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Thời gian thực hiện: .....

4. Kinh phí thực hiện: .....

**II. NỘI DUNG DỰ ÁN**

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ của nhà nước: .....

2. Nội dung đối ứng: .....

**III. CAM KẾT:**

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Tuân thủ các quy định của dự án, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.

3. Đối ứng các khoản kinh phí thực hiện dự án ngoài khoản hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

4. Chấp hành thu nộp tỷ lệ quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ theo quy định.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):...../.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG**

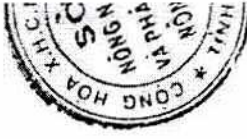
*(Ký, ghi họ tên)*

Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN BUỔI LÀM VIỆC NGÀY 17/3/2023**

**Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-SNN ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



TT	Ý kiến tại buổi làm việc	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình
<b>I</b>	<b>Ban Dân tộc</b>			
1	Tại điểm b khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Cần xác định rõ cơ quan chủ quản Chương trình, cơ quan chủ trì liên kết cho phù hợp theo Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, từ đó xác định đơn vị thực hiện hồ sơ cho phù hợp.			Cơ quan chủ trì các Chương trình mục tiêu quốc gia, cơ quan chủ trì dự án thành phần các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đã được quy định rõ tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh.
2	Thông nhất đơn vị nhận hồ sơ thẩm định là đơn vị được phân công chủ trì dự án thành phần.	x		
3	Các nội dung sử dụng quy định văn bản quy phạm pháp luật thì trích dẫn theo quy định soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.	x		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa, hoàn thiện.
<b>II</b>	<b>Sở Y tế</b>			
1	Tại khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 10/2022/TT-BYT, đề nghị bổ sung các mẫu hồ sơ B1.1, B1.2, B1.3, B1.4, B1.5, B1.6, B1.7 kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BYT.	x		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa, hoàn thiện.
2	Tại điểm b khoản 3 Điều 3 của dự thảo: Mục nộp hồ sơ; Đề nghị bổ sung thêm. - Đối với nội dung hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệt kê quy thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số lượng hồ sơ gồm: 01 bộ bản gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 11 bộ bản photo có dấu đỏ của đơn vị chủ trì dự án và 01 bản điện tử ghi hồ sơ trên ổ USB (dạng PDF)		x	Dự thảo Nghị quyết quy định mẫu hồ sơ của đơn vị chủ trì liên kết; về yêu cầu số lượng bộ hồ sơ phải nộp theo hướng dẫn cụ thể của từng đơn vị tiếp nhận.

TT	Ý kiến tại buổi làm việc	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình
	<p>Không cải mật khẩu)</p> <p>Tại điểm c khoản 3 Điều 3 của dự thảo "Đối với dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi 01 huyện/thành phố: cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp huyện tham mưu UBND cấp huyện Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định....", đề nghị điều chỉnh như sau:</p> <p>Căn cứ khoản 2 Điều 10 Thông tư số 10/2022/TT-BYT "Cơ quan chủ quản chương trình theo thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng", cơ quan chủ quản của Chương trình được quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 10/2022/TT-BYT là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do đó UBND tỉnh sẽ thành lập Hội đồng thẩm định và Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc lãnh đạo Sở, ban, ngành theo uỷ quyền chứ không phải là UBND cấp huyện thành lập hội đồng như dự thảo đưa ra. Hiện nay Dự án được liệu quy chỉ triển khai trên địa bàn 01 huyện là huyện Đắk Glông.</p>		x	<p>Theo quy định tại Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh: Đối với dự án, kế hoạch liên kết phạm vi 01 huyện/thành phố đã được phân cấp, giao UBND cấp huyện làm chủ đầu tư và Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt dự án. Do đó, dự thảo Nghị quyết quy định Cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định là phù hợp.</p>
3	<p>Đề nghị bổ sung thêm các biểu mẫu sử dụng trong quy trình lựa chọn dự án được liệu quy định tại mục II phụ lục ban hành kèm Thông tư số 10/2022/TT-BYT</p>		x	<p>Dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mẫu hồ sơ của đơn vị chủ trì liên kết cần thực hiện; Mẫu hồ sơ do cơ quan chuyên môn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ chuyên ngành.</p>
III	<p>Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</p>			
I	<p>Thông nhất dự thảo Nghị quyết.</p>			
IV	<p>Sở Tư pháp</p>			
1	<p>Đã có ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 06/BCTĐ-STP: Đề nghị xem lại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 viện dẫn theo Thông tư số 15/TT-BTC</p>			<p>Theo ý kiến của các thành viên tham gia làm việc đều thống nhất với giải trình của cơ quan soạn thảo và thống nhất viện dẫn thêm các nội dung hỗ trợ tại Thông tư số 15/TT-BTC mà chưa được quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 21, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.</p>
2	<p>Nội dung nào trùng với quy định của Trung ương thì quy</p>	x		<p>Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện</p>

TT	Ý kiến tại buổi làm việc	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình
	định theo dẫn chiếu			
<b>V</b>	<b>Sở Tài chính</b>			
	Đề nghị bổ sung các ý kiến của Sở Tư pháp, Sở Y tế, Ban Dân tộc để hoàn thiện dự thảo	x		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện
<b>VI</b>	<b>UBND huyện Krông Nô</b>			
1	Các nội dung dự thảo Nghị quyết mà đã có quy định ở các văn bản của Trung ương thì đưa vào viện dẫn	x		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện
2	Rà soát quy định tại các Nghị định, Thông tư hướng dẫn về nội dung hồ trợ chưa có mà tỉnh có phát sinh thì đưa vào Nghị quyết	x		Các nội dung hồ trợ đã được quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan.
3	Quy định rõ cơ quan chuyên môn tiếp nhận hồ sơ dự án liên kết cấp huyện	x		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm b khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.
<b>VII</b>	<b>UBND huyện Tuy Đức</b>			
1	Các biểu mẫu hồ sơ trong thực hiện hoạt động hồ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, đề nghị có chú thích hướng dẫn cách ghi thông tin vì do người dân thực hiện nên cần có hướng dẫn			Mẫu hồ sơ dự án hồ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đã được quy định theo hướng liệt kê tất cả nội dung cần điền, rất chi tiết. Trong quá trình thực hiện nếu cộng đồng dân cư gặp khó khăn sẽ có cán bộ phụ trách các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp xã hướng dẫn trực tiếp.
2	Xem lại chủ tịch Hội đồng thẩm định dự án cộng đồng có nên cho phép ủy quyền cho phòng chuyên môn cấp huyện không.			Thành phần Hội đồng thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.
<b>VIII</b>	<b>UBND huyện Đắk Glong</b>			
1	Đề nghị bổ sung quy định mức kinh phí cho một dự án và số lượng hộ tham gia một dự án		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Về quy định mức hỗ trợ một dự án đã được quy định tại dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.</li> <li>- Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất không có quy định cụ thể số lượng hộ tham gia một dự án; Số lượng hộ tham gia một dự án tùy theo kinh phí ngân sách nhà nước được giao và phải đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng của Chương trình, trong đó ưu tiên</li> </ul>



TT	Ý kiến tại buổi làm việc	Tiếp thu	Không tiếp thu	Giải trình
IX	UBND huyện Đắk R'Lấp			nguồn lực để thực hiện các dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.
1	Quy định rõ cơ quan chuyên môn tiếp nhận hồ sơ dự án liên kết cấp huyện	x		Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm b khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.
X	UBND huyện Đắk Mil			
	Thông nhất dự thảo Nghị quyết.			
XI	UBND huyện Cư Jút			
	Thông nhất dự thảo Nghị quyết.			





## TỔNG HỢP, TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý

Ủy ban Thường vụ Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã thảo luận, nghiên cứu và quyết định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7544/UBND-KT ngày 26/12/2022 về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu Quốc gia; Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung hồ sơ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và gửi văn bản lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện/thành phố tại Công văn số 200/SNN-PTNT ngày 06/02/2023. Đến thời điểm hiện tại, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được văn bản góp ý của 09/15 cơ quan, đơn vị và địa phương. Trong đó:

- 05 cơ quan, đơn vị và địa phương thống nhất với nội dung dự thảo, gồm các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch - Đầu tư; UBND các huyện: Đắk Mil và Krông Nô.

- 04 cơ quan, đơn vị và địa phương có ý kiến góp ý, gồm: Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh, Sở Tư pháp, Ban Dân tộc tỉnh và UBND huyện Đắk Glong.

Đối với các ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, tiếp thu và giải trình cụ thể như sau:

Stt	Đơn vị/Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu	Ý kiến giải trình
I	<b>Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh</b>			
1	Chưa có sự thống nhất thời gian thẩm định và phê duyệt dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng giữa Báo cáo thuyết minh và dự thảo Nghị quyết	x		Đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện.

II	<b>UBND huyện Đắk Glong</b>			
1	<p>Bổ sung nội dung: “..... Phòng, đơn vị chuyên môn được giao chủ trì phụ trách theo từng chương trình MTQG ở cấp huyện”,</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tại điểm b, mục 2.2, Khoản 2, Điều 4 quy định (Thẩm định hồ sơ);</li> <li>- Tại điểm c, mục 2.2, Khoản 2, Điều 4 quy định (Phê duyệt dự án, phương án sản xuất của cộng đồng).</li> </ul>	x		<p>Đã tiếp thu, bổ sung hoàn thiện dự thảo Nghị quyết</p>
<b>III</b>	<b>Sở Tư pháp</b>			
1	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát kỹ các quy định về thủ tục trong dự thảo Nghị quyết. Trường hợp có phát sinh thủ tục hành chính thì phải đánh giá tác động thủ tục hành chính theo quy định.</p>	x		<p>Đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng trình tự thủ tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/04/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Thông tư số 09/2022/TT/BLĐTBXH ngày 25/05/2022 của Bộ Lao động – Thương binh – Xã hội về Hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025; Do đó, không phát sinh thủ tục hành chính riêng của địa phương.</p>
2	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày dự thảo đúng với</p>	x		<p>Đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo</p>

	thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Mẫu số 17 kèm theo Phụ lục 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.			đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Mẫu số 16 kèm theo Phụ lục 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.
<b>IV</b>	<b>Ban Dân tộc tỉnh</b>			Đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; <i>Nội dung hỗ trợ trong thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-UBND chưa chi tiết và đầy đủ theo mục tiêu dự án tại địa phương. Do đó, quy định nội dung hỗ trợ theo hướng dẫn nội dung chi quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC.</i>
1	Thứ nhất, tại phần căn cứ dự thảo Nghị quyết đề nghị bổ sung căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.		x	
2	Thứ hai, về nội dung chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng, theo như dự thảo Nghị quyết quy định là chưa đầy đủ các nội dung chi theo quy định, do vậy, Ban Dân tộc đề nghị không quy định lại, mà quy định theo hướng dẫn chi tiết các quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính, Điều		x	Đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 4.

	<p>19, Điều 20 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc và Điều 21, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.</p>			
3	<p>Thứ ba, về mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng: hiện nay trong dự thảo Nghị quyết chưa có quy định. Nội dung này Ban Dân tộc đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo, đề xuất UBND tỉnh, phối hợp với Sở Tài chính để quy định mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng vào Nghị quyết do Sở Tài chính đang xây dựng (Ban Dân tộc đã đề xuất gửi Sở Tài chính nhưng hiện nay định mức chi hỗ trợ chưa được quy định trong dự thảo do Sở Tài chính dự thảo).</p>	x		<p>Nội dung quy định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án/kế hoạch liên kết/phương án sản xuất trong thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo tích hợp nội dung này vào dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông do Sở Tài chính chủ trì xây dựng tại Công văn số 641/UBND-KT ngày 17/02/2022.</p> <p><i>Đề nghị Ban Dân tộc tiếp tục phối hợp với Sở Tài chính để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.</i></p>
4	<p>Thứ tư, hiện nay UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/2023/QĐUBND, ngày 31/01/2023 Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ</p>	x		<p>Đã tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết;</p>

			<p>trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, do vậy, đề nghị đưa nội dung quy định nêu trên vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, biên bản họp dân, đề cương xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.</p>
5		x	<p>Thứ năm đối với quy định tại tiết b, điểm 2.2, khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết có quy định: “ - Ban Dân tộc tỉnh: Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và dự án đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệt kê thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.” Nội dung thực hiện của dự án thành phần thuộc Chương trình và quy định tại nghị quyết này không có vốn đầu tư, mặt khác dự án được liệt kê thuộc Chương trình hiện chỉ có duy nhất 01 dự án trên địa bàn huyện Đắk Glong, do vậy không trong phạm vi từ 02 huyện/thành phố trở lên, đề nghị bỏ 02 nội dung nêu trên.</p>
			<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa tại điểm b) khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.</p>

